

Bản án số: 288/2020/DS-ST

Ngày: 15-9-2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay I sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 - TP. HỒ CHÍ MINH**

**- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Mai Trâm

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Chí Quý

2. Bà Phan Thị Hoa

*Thư ký phiên tòa:* Bà Đậu Thị Hải Hoài – cán bộ Tòa án nhân dân Quận 9  
– T phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, T phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay I sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn T, sinh năm: 1954 (có mặt).

Địa chỉ: đường 23, tổ 6, khu phố 1, phường A, Quận 9, T phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm: 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường 49, tổ 4, khu phố 45, phường A, Quận 9, T phố Hồ Chí Minh.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Huỳnh Thị U, sinh năm: 1965 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: đường 23, tổ 6, khu phố 1, phường A, Quận 9, T phố Hồ Chí Minh

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Đoàn Văn T trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên vào ngày 10/6/2019 ông T cho bà C mượn số tiền 130.000.000 đồng, đôi bên có lập giấy mượn tiền, thời hạn mượn 02 tháng, không có lãi suất, hết thời hạn mượn bà C không trả, ngày 08/10/2019 đôi bên chốt lại số tiền nợ và thời hạn trả nợ nên bà C viết lại giấy mượn tiền ngày 08/10/2019, số tiền mượn 130.000.000 đồng, trong 02 tháng sẽ hoàn trả lại, không có lãi suất. Hết thời hạn bà C hứa trả mà không trả. Vì vậy ông Đoàn Văn T yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng C trả số tiền nợ là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng), trả ngay một lần khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, triệu tập lấy lời khai, thông báo phiên họp và hòa giải nhưng đều vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị U trình bày: bà là vợ của ông Đoàn Văn T, số tiền bà C mượn là tiền của hai vợ chồng, nay bà thống nhất với yêu cầu của ông T, yêu cầu bà C trả ngay một lần số tiền 130.000.000 đồng khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng C vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị U có đơn xin xét xử vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: đúng theo quy định pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng C trả ngay một lần số tiền 130.000.000 đồng cho ông T khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các I liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 9, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đoàn Văn T nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay I sản với bà Nguyễn Thị Hồng C. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do bị đơn cư trú tại Quận 9, T phố Hồ Chí Minh nên Uộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, T phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về việc giải quyết vắng mặt đối với bị đơn: theo kết quả xác minh ngày 04/3/2020 của Tòa án nhân dân Quận 9 thì bà Nguyễn Thị Hồng C có hộ khẩu thường trú tại 37 đường 494, tổ 9, khu phố 4, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, T phố Hồ Chí Minh nhưng không còn cư trú tại địa phương từ tháng 3 năm 2020, đi đâu không rõ.

Tại biên bản làm việc ngày 24/4/2020, nguyên đơn xác định chỉ biết bà C có hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa chỉ 37 đường 494, tổ 9, khu phố 4, phường A, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh. Trong giấy mượn tiền bà C ghi bà C cư trú tại địa chỉ: 37 đường 494, tổ 9, khu phố 4, phường A, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.

Qua việc xác minh nơi cư trú của bị đơn như đã nêu trên, có cơ sở xác định đơn khởi kiện của nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn, việc bị đơn thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho người khởi kiện biết được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng C đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên Tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị U có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

Chồng bà C là ông Trương Tấn I đã chết vào năm 2018 nên không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét giấy mượn tiền ghi ngày 10/6/2019 và ngày 08/10/2019 là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.2] Căn cứ lời khai của nguyên đơn và I liệu chứng cứ có trong hồ sơ gồm giấy mượn tiền ghi ngày 10/6/2019 và giấy mượn tiền ghi ngày 08/10/2019 có cơ sở xác định vào ngày 10/6/2019 bà C mượn của ông T số tiền 130.000.000 đồng, thời hạn mượn 02 tháng, không có lãi suất, hết thời hạn mượn bà C không trả nên đôi bên chốt lại tiền nợ và thời hạn trả nợ bằng giấy mượn tiền ghi ngày 08/10/2019, số tiền mượn 130.000.000 đồng, trong 02 tháng bà C sẽ hoàn trả lại, không thỏa Uận lãi suất.

[2.3] Sau khi mượn số tiền 130.000.000 đồng, đến thời hạn trả nợ bà C không trả, ông T nhiều lần yêu cầu bà C trả nợ nhưng bà C không trả. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân Quận 9 triệu tập họp lệ nhiều lần cho bà C lên Tòa án để ghi lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà C vắng mặt không có lý do, không có ý kiến và I liệu chứng cứ gì gửi cho Tòa án phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nguyên đơn ông Đoàn Văn T yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng C trả số tiền còn nợ là 130.000.000 đồng, trả ngay một lần khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

Do nguyên đơn không yêu cầu trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Như vậy đề nghị của kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 là phù hợp.

Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng C phải nộp số tiền án phí là: 130.000.000 đồng x 5% = 6.500.000 đồng

Ông Đoàn Văn T là người cao tuổi Uộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức U, miễn, giảm, U, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*Vì các lẽ nêu trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, 466 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức U, miễn, giảm, U, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### 1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng C có trách nhiệm trả cho ông Đoàn Văn T số tiền nợ gốc là 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng theo giấy mượn tiền ghi ngày 10/6/2019 và ngày 08/10/2019, trả làm một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị Hồng C phải nộp số tiền án phí là: 130.000.000 đồng x 5% = 6.500.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Đoàn Văn T là người cao tuổi Uộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức U, miễn, giảm, U, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Uận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND Tp. HCM;
- TÒA**
- VKSND Q.9;
- Chi cục THADS Q9;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Võ Thị Mai Trâm**